

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21/7/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê - Cán bộ hưu.

Ông Hoàng Văn Thành - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 21/6/2021 và ngày 21/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Ngô Tuấn A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã H (nay là H) huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Xin vắng mặt.

*** Bị đơn:** Chị Vũ Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Vắng mặt.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Vũ Trí T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Ngô Tuấn A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Vũ Thị L có được tự do tìm hiểu và được sự nhất trí của hai bên gia đình đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 16/12/2008 tại UBND xã H (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng anh đi Hàn Quốc làm ăn kinh tế. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2020 anh và chị L bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Năm 2016 anh về Việt Nam còn chị L tiếp tục ở Hàn Quốc làm việc. Do sống xa cách nên anh và chị L không còn thường xuyên liên lạc nữa. Anh và chị L đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị L.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô Tuấn M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Ngô Vũ Xuân Nh sinh ngày 07/7/2015. Hiện nay 2 con chung đang do bố đẻ chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ngày 16/6/2021 anh Ngô Tuấn A có bản tường trình về quá trình đăng ký kết hôn, cụ thể: Khi anh và chị L đều ở Hàn Quốc không biết làm thủ tục đăng ký kết hôn như thế nào thì đã được gia đình hướng dẫn, gửi giấy tờ sang để anh chị ký làm thủ tục, tạo điều kiện cho anh và chị L kết hôn. Các giấy tờ đều được gửi qua đường bưu điện về để UBND xã xác nhận.

* Bị đơn chị Vũ Thị L hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị L.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua người nhân của chị L là ông Vũ Trí T, sinh năm 1953. Địa chỉ: thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ông T có quan điểm trình bày:

- Ông là bố đẻ của chị Vũ Thị L có địa chỉ như trên. Hiện nay con ông đang đi lao động tại nước ngoài không có mặt tại địa phương, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình thông qua mạng xã hội. Về địa chỉ của chị L ở bên nước

ngoài thì ông không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để chị L gửi quan điểm, địa chỉ về cho Tòa án thì gia đình từ chối thực hiện.

- Về việc anh Ngô Tuấn A xin ly hôn chị Vũ Thị L thì chị L có quan điểm trao đổi với gia đình là:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị L đồng ý ly hôn với anh Ngô Tuấn A.

+ Về con chung: Chị L, anh Ngô Tuấn A có 02 con chung là cháu Ngô Tuấn M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Ngô Vũ Xuân N sinh ngày 07/7/2015. Khi ly hôn anh Ngô Tuấn A đề nghị giao con chung cho chị L nuôi dưỡng thì chị L không có ý kiến gì.

+ Về tài sản anh Ngô Tuấn A không yêu cầu giải quyết, chị L không có ý kiến, yêu cầu gì.

- Hiện nay hai cháu ngoại đang ở với gia đình ông, nếu vợ chồng chị L ly hôn, ông đồng ý đứng ra trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh Ngô Tuấn A và chị L khi chị L không có nhà.

* Tại công văn số: 422/UBND-TP ngày 22/6/2021 của UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị nơi anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L đăng ký kết hôn có quan điểm thể hiện: Vào ngày 06/12/2008 UBND xã Hải Hưng có nhận được hồ sơ đăng ký hết hôn của anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L. Vào thời điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn thì anh A và chị L không có mặt ở tại địa phương. Giấy chứng nhận kết hôn được người nhà của anh Ngô Tuấn A gửi sang Hàn Quốc để chị Vũ Thị L và anh Ngô Tuấn A ký trực tiếp. Phần ký vào sổ đăng ký kết hôn để trống. Đến năm 2012 anh Ngô Tuấn A về nước đã trực tiếp ký vào sổ. Chị Vũ Thị L không trực tiếp ký vào giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã H (nay là xã H) tại thời điểm đăng ký, việc đăng ký kết hôn giữa anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Ngô Tuấn A, ông Vũ Trí T xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giải quyết nuôi con chung. Chị Vũ Thị L vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy việc đăng ký kết hôn của chị Vũ Thị L, anh Ngô Tuấn A tại UBND xã Hải Vĩnh (nay là xã Hải Hưng) là không đúng thẩm quyền, giấy chứng nhận kết hôn không có hiệu lực, hôn nhân không được thừa nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ Điều 9; Điều 13; Điều 15; Điều 16; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L. Huỷ giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Ngô Tuấn A do UBND xã H (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị đăng ký ngày 16/12/2008.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Ngô Tuấn M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Ngô Vũ Xuân N, sinh ngày 07/7/2015 cho chị Vũ Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Vũ Trí T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu Ngô Tuấn M, Ngô Vũ Xuân N thay chị Vũ Thị L trong thời gian chị L vắng nhà.

+ Về tài sản chung, công nợ: Anh Ngô Tuấn A không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Ngô Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Ngô Tuấn A là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị có đơn xin ly hôn, giải quyết nuôi con chung đối với chị Vũ Thị L. Bị đơn chị Vũ Thị L là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 23185/QLXNC-P5 ngày 11/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Vũ Thị L đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 15/8/2000, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc

Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Ngô Tuấn A, ông Vũ Trí T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Vũ Thị L vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp chị Vũ Thị L cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị L theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Theo trình bày của anh Ngô Tuấn A: anh và chị Vũ Thị L có được tự do tìm hiểu và được sự nhất trí của hai bên gia đình đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 16/12/2008 tại UBND xã H (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng anh đi Hàn Quốc làm ăn kinh tế. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2020 anh và chị L bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Năm 2016 anh về Việt Nam còn chị L tiếp tục ở Hàn Quốc làm việc. Do sống xa cách nên anh và chị L không còn thường xuyên liên lạc nữa. Anh và chị L đã ly thân từ năm 2016, nay anh xin ly hôn với chị Vũ Thị L.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ trình bày của anh Ngô Tuấn A và quan điểm của UBND xã , huyện H, tỉnh Quảng Trị thì thời điểm đăng ký kết hôn ngày 16/12/2008 chị Vũ Thị L, anh Ngô Tuấn A không có mặt tại địa phương, không trực tiếp ký vào sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Vĩnh (nay là xã Hải Hưng) do chị L đi nước ngoài từ ngày 15/8/2000, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Bên cạnh đó, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Vũ Thị L và anh Ngô Tuấn A đều đang ở nước ngoài (Hàn Quốc), việc đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ. Vì vậy việc UBND xã H (nay là H), huyện H, tỉnh Quảng Trị ký giấy chứng nhận kết hôn và vào sổ đăng ký kết hôn cho anh Ngô Tuấn A, chị Vũ Thị L là không đúng thẩm quyền. Vì vậy Giấy chứng nhận kết hôn không có hiệu lực do vi phạm quy định của pháp luật về thủ tục đăng ký kết hôn, nên hôn nhân không được thừa nhận.

Căn cứ hướng dẫn tại khoản 3, Điều 3, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 thì HĐXX không thể huỷ việc kết

hôn trái pháp luật theo quy định tại Điều 8, Điều 10-Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2, Điều 3, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 vì việc đăng ký kết hôn không hợp pháp. Trong trường hợp này, HĐXX áp dụng Điều 9, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L. Huỷ giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2008 ngày 16/12/2008 giữa anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L và thông báo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị xử lý theo quy định tại Điều 13, Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Về nuôi con chung: Anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L có 02 con chung là cháu Ngô Tuấn M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Ngô Vũ Xuân , sinh ngày 07/7/2015. Hiện nay hai con chung đang ở với gia đình bố đẻ của chị L. Khi ly hôn anh Ngô Tuấn A đề nghị giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chị L đồng ý không có ý kiến gì. Con chung có nguyện vọng ở với mẹ và ông ngoại. Bên cạnh đó, ông Vũ Trí T là ông ngoại của hai cháu đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh Ngô Tuấn A, chị Vũ Thị L trong thời gian chị L không có ở nhà. Việc ông T nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu ngoại cũng phù hợp theo quy định của Điều 104-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận. Vì vậy để ổn định, tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Vũ Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Ông Vũ Trí T có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Ngô Tuấn M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Ngô Vũ Xuân N, sinh ngày 07/7/2015 trong thời gian chị Vũ Thị L không có mặt tại địa phương.

[4.2]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Ngô Tuấn A, chị Vũ Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì đương sự có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

[4.3]. Về các quyền khác:

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Sau khi ly hôn anh Ngô Tuấn A có nguyện vọng nuôi con chung có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Anh Ngô Tuấn A trình bày không có tài sản chung, công nợ nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Vũ Thị L không có ý kiến, yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ nên không đặt ra giải quyết. Sau này có tranh chấp tài sản, công nợ các bên có quyền khởi kiện

bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Ngô Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 13; Điều 15; Điều 16; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Huỷ giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2008 ngày 16/12/2008 giữa anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L của UBND xã H (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Tuấn A và chị Vũ Thị L.

3. Về nuôi dưỡng con chung:

- Giao 02 con chung là Ngô Tuấn Mỹ, sinh ngày 17/02/2009 và Ngô Vũ Xuân Nhi, sinh ngày 07/7/2015 cho chị Vũ Thị L nuôi dưỡng.

Ông Vũ Trí T có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Ngô Tuấn M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Ngô Vũ Xuân N, sinh ngày 07/7/2015 trong thời gian chị Vũ Thị L không có mặt tại địa phương.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Ngô Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000869 ngày 13/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Vũ Thị L hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được

tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Ngô Tuấn A, ông Vũ Trí T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Ong Thân Thắng